

TÁC GIẢ-TÁC PHẨM

ĐỌC SÁCH

“*LƯỢC KHẢO LỊCH SỬ TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT*” CỦA PGS.TS VŨ ĐỨC NGHIỆU

TRẦN TRÍ DÔI

(GS, TS, Đại học KHXH & NV, ĐHQGHN)

1. Cuốn sách “*Lược khảo lịch sử từ vựng tiếng Việt*” có hình thức (khổ 16 X 24 cm) bên ngoài rất ưa nhìn, cộng thêm việc giá của ấn phẩm cao hơn nhiều so với những ấn phẩm khác cùng thời gian của nhà xuất bản, làm cho độc giả rất trân trọng đón nhận ấn phẩm. Và trong thực tế, ở một phạm vi nào đó, không ít người hồ hởi mong đợi sự ra đời của cuốn sách.

2. Nội dung cuốn *chuyên khảo Lược khảo lịch sử từ vựng tiếng Việt* (viết tắt là “*Lược khảo...*”) của PGS.TS. Vũ Đức Nghiệu được chia thành bốn phần. Thứ nhất là phần *Dẫn nhập* dài 41 trang (từ trang 11 đến trang 51) trình bày bốn *tiểu nội dung* liên quan đến lịch sử tiếng Việt. Tiếp theo là *Phần một* dài 176 trang (từ trang 52 đến trang 227) trình bày về “*Nguồn gốc từ vựng tiếng Việt*”. Trong bốn chương viết của phần này, chuyên khảo lần lượt trình bày “*Lớp từ thuộc nguồn gốc Việt - Mường, Môn - Khmer*”, “*Lớp từ thuộc nguồn gốc Tây - Thái và Nam Đảo*”, “*Lớp từ thuộc nguồn gốc Hán*” và “*Lớp từ thuộc nguồn gốc Ấn - Âu*”. Ở mỗi chương như vậy, chẳng hạn, sau khi nêu rõ “*quan niệm*” thế nào là “*từ thuộc nguồn gốc Việt - Mường*”, tác giả trình bày cách thức “*xác định từ có nguồn gốc Việt - Mường*” và cuối cùng là lập danh sách những từ được tác giả “*phục nguyên*” của giai đoạn lịch sử đó.

Tiếp theo *Phần một* là *Phần hai* dài 261 trang (từ trang 230 đến trang 489) trình bày về “*Diện mạo của từ vựng qua các phân kỳ lịch sử*”. *Phần hai* này có bốn chương mô tả “*Diện mạo của từ vựng*” qua thời kỳ *tiếng Việt cổ*, *tiếng Việt trung đại*, *tiếng Việt cận đại* và *tiếng Việt hiện đại* theo cách xác định của tác giả. Theo đó, “*Diện mạo của từ vựng*” mà tác giả trình bày là đại cương về “*cấu trúc hình thái*” của từ, là thành phần “*Hán Việt và phi Hán Việt*” của vốn từ, là về kho “*từ vựng văn học*”, “*từ ngữ cổ*” và “*hệ thống hư từ*” của

mỗi thời kỳ. *Phần thứ ba* còn lại có 26 trang gồm “*Mấy nhận xét chung*” có tính kết luận (11 trang), chỉ dẫn về “*Nguồn ngữ liệu chính được khảo sát*”, danh sách “*Tài liệu tham khảo*” và “*Mục lục*”.

Cách trình bày như vậy cho thấy có ba nội dung chính được tác giả đề cập đến trong nội dung cuốn chuyên khảo.

3. Với những nội dung được trình bày theo một cấu trúc như thế, chúng ta có thể thấy rằng cuốn “*Lược khảo...*” của PGS.TS. Vũ Đức Nghiệu có một khối lượng đồ sộ. Có lẽ, một phần cũng là do tác giả phải dành nhiều trang liền để liệt kê ví dụ minh họa (chẳng hạn như từ trang 71 đến trang 96 của cuốn sách) hay như “*trình bày lại*” những thông tin đã có từ những tác giả trước đó (như từ trang 138 đến trang 148 trình bày lại diễn tiến âm Hán Việt mà những thông tin này có thể đọc được từ công trình của GS Nguyễn Tài Cẩn). Thế nhưng có những vấn đề liên quan đến nội dung chính của “*lịch sử từ vựng tiếng Việt*” như *biến đổi nghĩa của từ* lại ít được nói đến. Tuy vậy cũng có thể nói rằng, việc cho ra đời chuyên khảo là một cố gắng rất đáng trân trọng của tác giả. Vì đây là lần đầu tiên chúng ta có được một công trình có khối lượng lớn trình bày nhiều vấn đề về lịch sử từ vựng của tiếng Việt, một hướng nghiên cứu mà hiện nay không phải có nhiều người muốn tiếp cận. Có lẽ, điều đáng trân trọng nhất, đáng hoan nghênh nhất của công trình này chính là ở chỗ đó.

4. Tuy nhiên, khi đọc cuốn “*Lược khảo...*”, người đọc còn thấy bất khoản trong một vài chi tiết mà tác giả trình bày. Chúng tôi nghĩ rằng những chi tiết ấy nên được nêu ra để cùng trao đổi cho được rõ ràng. Những nội dung mà chúng tôi nêu ra dưới đây, nếu được tác giả trao đổi lại, chắc chắn sẽ giúp ích không chỉ cho người đọc mà cho cả người học “*cao học và*

nguyên cứu sinh ở địa hạt Ngôn ngữ học” hiểu rõ hơn về công trình công phu này.

4.1. Bản khoản thứ nhất là, khi đọc, người đọc nhận thấy không ít *những kết luận* mà công trình “*Lược khảo...*” đã làm *không phù hợp* với kết quả hoặc phương pháp nghiên cứu khoa học đã công bố. Thế nhưng người ta cũng chưa thấy tác giả giải thích lí do vì sao lại có sự khác nhau đó. Sau đây là những trường hợp có thể cho phép người đọc nói như thế.

- Ở trang 52, khi trình bày “từ thuộc nguồn gốc Việt - Mường”, tác giả “*Lược khảo...*” viết rằng “Khi nói nguồn gốc Việt - Mường của một từ nào đó trong tiếng Việt thì điều này ngụ ý rằng từ ấy nảy sinh, hình thành trong phạm vi quan hệ cội nguồn, họ hàng với từ tương ứng trong các ngôn ngữ thuộc tiểu chi (nhóm) Việt - Mường khi tiểu chi này đã tách thành một nhánh riêng so với các nhánh khác trong đại chi (ngành) Môn - Khmer. Còn khi nói rằng một từ nào đó thuộc nguồn gốc Môn - Khmer thì điều này ngụ ý rằng chẳng những từ ấy nảy sinh, hình thành trong phạm vi quan hệ cội nguồn, họ hàng với từ tương ứng trong các ngôn ngữ thuộc tiểu chi Việt - Mường, mà điều quan trọng hơn là nó còn có quan hệ cội nguồn, họ hàng với từ tương ứng trong các ngôn ngữ thuộc tiểu chi khác của đại chi Môn - Khmer”.

Tóm lược lại, như vậy, theo quan niệm của tác giả “*Lược khảo...*”, “từ có nguồn gốc Việt - Mường” là “từ tương ứng trong các ngôn ngữ thuộc tiểu chi Việt - Mường”; còn “từ nào đó thuộc nguồn gốc Môn - Khmer” sẽ là “từ tương ứng trong các ngôn ngữ thuộc tiểu chi khác của đại chi Môn - Khmer”. Với định nghĩa hay quan niệm như vậy, tác giả dẫn ra các từ Việt, *lười, thịt, đá, trắng* có nguồn gốc Việt - Mường vì chúng tương ứng giữa tiếng Việt, tiếng Mường, tiếng Rục, tiếng Poọng và tiếng Arem; và cũng vì thế khi không thấy những từ ấy tương ứng với tiếng Môn cổ, tiếng Palaung, tiếng Khme, tiếng Nicôbar, tiếng Bahnar nên tác giả coi chúng không “thuộc nguồn gốc Môn - Khmer” (tr 52-53).

Phân tích những ví dụ được dẫn ra ở trên, người đọc chưa thể nhận ra làm thế nào để tác giả “*Lược khảo...*” xác nhận từ có nghĩa “trắng” ở các ngôn ngữ Việt (*trắng*), Mường (*tlang*), Rục (*pulean*), Poọng (*plon*) tương ứng với từ tiếng Arem (*nrah*) trong cùng tiểu chi Việt - Mường!? Quả thật, ngữ âm lịch sử tiếng Việt mà GS Nguyễn Tài Cẩn đã nghiên cứu không chỉ ra một tương ứng phân vân (rime) của các từ ấy như kiểu Việt (...*ang*), Mường (...*ang*), Rục (...*ean*), Poọng (...*on*) với phân vân tiếng Arem (...*ah*). Nhưng ngược

lại về ngữ âm, có cơ sở để thấy từ (*nrah*) của tiếng Arem thuộc tiểu chi Việt - Mường có phân vân (...*ah*) trong từ “trắng” tương ứng với phân vân ở các ngôn ngữ thuộc tiểu chi khác của đại chi Môn - Khmer như Môn cổ (...*u*), Palaung (...*iə*), Khme (...*e*), Bahnar (...*ey*). Thực tế này khiến người ta nghĩ rằng *kết luận* mà công trình “*Lược khảo...*” đã làm là *không phù hợp* với kết quả hoặc phương pháp nghiên cứu khoa học của ngữ âm học lịch sử đã được GS Nguyễn Tài Cẩn khảo cứu. Nói một cách khác đi, về mặt ngữ âm lịch sử, rất khó có thể cho rằng vẫn (...*ah*) trong từ “trắng” của tiếng Arem cũng là cùng gốc với những vẫn kiểu Việt (...*ang*), Mường (...*ang*), Rục (...*ean*) hay Poọng (...*on*) được.

Vậy làm thế nào để chứng minh “*nrah*” của tiếng Arem là tương ứng với các ngôn ngữ Việt - Mường khác và sau đó là chứng minh nó không tương ứng với các ngôn ngữ của đại chi Môn - Khmer đã được tác giả “*Lược khảo...*” dẫn ra? Nói khác đi, cái định nghĩa thế nào là “từ thuộc nguồn gốc Việt - Mường” nói trên của tác giả “*Lược khảo...*” khá đơn giản và mù mờ. Tình trạng bất cập về “sự tương ứng” của những từ mà tác giả nêu ra trong danh sách ở trang 53 vừa được nêu ra ở trên đã minh chứng sự mù mờ ấy.

- Trường hợp thứ hai là việc phục nguyên. Khi đặt vấn đề “phục nguyên proto Việt - Mường” (tr 70-73), tác giả “*Lược khảo...*” đã nêu ra một loạt từ tiếng Việt cùng với dạng *proto Việt - Mường* (PVM) tương ứng của chúng. Hơn nữa, qua chú dẫn, chúng ta biết tác giả liệt kê những từ này là dựa vào kết quả của công trình là tài liệu tham khảo số 41, tức là công trình công bố năm 1995 của GS Nguyễn Tài Cẩn.

Thế nhưng, khi xem lại công trình của GS Nguyễn Tài Cẩn, người ta thấy tác giả “*Lược khảo...*” đã làm trái hẳn với kết luận mà Giáo sư đã thể hiện trong cuốn sách của ông. Ví dụ, ở trang 71 khi xem xét các từ mà tác giả “*Lược khảo...*” liệt kê cho là dạng thức PVM ở hai nhóm từ (a, “Từ chi bộ phận cơ thể ...” và b, “Từ chi động vật”), ta thấy có 05 từ tiếng Việt hiện nay có âm đầu /m/ [*mỏ, máu, mỗi, máu/“đục”, một*]. Cột bên cạnh, tác giả cho biết 05 “dạng thức *proto Việt - Mường* tương ứng là [kbɔh¹], thmu?, k(ɔ)mur¹, ɗal, mɔc]. Theo như những ví dụ được liệt kê trong sách “*Lược khảo...*”, như vậy, âm đầu /m/ hiện nay của tiếng Việt có ba dạng thức *proto Việt - Mường* sẽ là: âm /*m/, âm /*b/ và âm /*ɗ/. Tức là, âm đầu /m/ của tiếng Việt hiện nay có “ba” nguồn gốc khác nhau.

Nếu nói như tác giả “*Lược khảo...*”, việc khôi phục PVM của mình dựa vào kết quả nghiên cứu của GS Nguyễn Tài Cẩn thì hoàn toàn không đúng. Vì, khi nói về “lai nguyên” (tức nguồn gốc, hay là dạng proto) của /m/ tiếng Việt hiện nay, Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn đã cho biết âm tiếng Việt ấy chỉ dẫn xuất từ hai âm ở dạng proto Việt - Mường. Nguyên văn đoạn viết của GS về vấn đề này trong công trình của ông như sau: “...nhìn vào hệ thống phụ âm, thì phải khẳng định rằng thời đó (tức thời PVM - *chúng tôi thêm vào*) có hai âm đối lập nhau: một âm mũi *m và một âm không mũi mà có phần chắc là *ɬ. Sự đối lập giữa hai âm đó vốn tồn tại từ thời Proto Môn - Khmer... Qua hàng mấy ngàn năm, hai âm đó hiện nay vẫn còn phân biệt ở các ngôn ngữ thiểu số miền núi: ở nhóm Pọng - Chứt và ở cả Mường. Chỉ riêng ở tiếng Việt là có sự đồng quy hoàn toàn, thành một âm M: đây là một trong những cách tân quan trọng làm cho Việt có một vị trí riêng biệt hẳn trong toàn tiểu chi” (Xin xem Nguyễn Tài Cẩn, 1995, tr. 24). Đoạn kết luận này trong sách xác nhận GS chỉ phục nguyên hai âm *m và *ɬ của âm /m/ tiếng Việt hiện nay chứ đâu phải ba âm là *m, *b và *ɬ như tác giả “*Lược khảo...*” đã làm. Nếu đúng là dẫn dạng phục nguyên ấy từ GS Nguyễn Tài Cẩn như đã chỉ dẫn, xin tác giả “*Lược khảo...*” chỉ chính xác số trang, số dòng của tái lập mà GS Nguyễn Tài Cẩn đã thực hiện.

4.2. Bản khoản thứ hai là, khi đọc, người ta có cảm nhận hình như trong cuốn sách có không ít nội dung được tác giả dẫn lại từ những nghiên cứu khác theo cách *tập hợp cơ học* ý kiến của những người đi trước mà thiếu đi sự nghiên cứu chuyên sâu với tư cách là một chuyên khảo. Người đọc có thể nêu ra một thắc mắc: Nếu như khi trình bày lịch sử (hay nội dung) của một vấn đề khoa học thuộc địa hạt này mà người viết lại chỉ tập hợp những ý kiến của người đi trước phù hợp với định hướng đã có của mình rồi bỏ qua không có sự trao đổi hay phân tích với những ý kiến “khác biệt” đã có thì liệu cách làm như thế có phải là cách làm việc của chuyên khảo chuyên sâu hay không? Bản khoản thứ hai của người đọc chính là xuất phát từ cách làm rất “cơ học” như thế của tác giả. Chúng tôi xin phép nêu ra một vài ví dụ, mà theo chúng tôi, cách trình bày của tác giả khiến cho người ta *có thể* phải hiểu như thế.

- Ví dụ thứ nhất. Chẳng hạn ở trang 12 khi nói về “ngữ hệ Nam Á”, cuốn sách viết “Trong nội bộ ngữ hệ Nam Á, các nhà nghiên cứu chuyên về lịch sử của ngữ hệ này, chia ra hai ngành (cũng gọi là *đại chi*, hoặc *tiểu*

ngữ hệ) là ngành Munda và ngành Môn-Khmer [132, 136, 163]”. Trong trình bày ngay sau đó ở trang 12, tác giả viết tiếp “Ngành Môn-Khmer gồm hơn một trăm ngôn ngữ, phân thành ba khối”. Tiếp theo ở hai trang 12 - 13 tác giả lại cho biết thêm “Khối Môn-Khmer Bắc” có “ba tiểu chi”, “Khối Môn-Khmer Đông” có 05 tiểu chi và “(Tiểu chi Aslian, tiểu chi Môn thuộc khối Môn-Khmer Nam. Tiểu chi Nicorbare cũng được coi là một tiểu chi của Môn-Khmer)” (tr.13)

Đoạn trích dẫn ở trên xác nhận quan điểm của người viết cho rằng: a, “Ngữ hệ Nam Á” có “hai ngành... là ngành Munda và ngành Môn-Khmer”; b, “Ngành Môn-Khmer” chia làm ba *khối* là *khối bắc* có 03 *tiểu chi*, *khối đông* có 05 *tiểu chi* và *khối nam* có 02 *tiểu chi*; c, “Ngành Môn-Khmer” có một *tiểu chi* nữa là Nicorbare không thuộc ba khối trên. Chỉ dẫn về xuất xứ của thông tin theo cách ghi *tài liệu tham khảo* của đoạn viết nói trên cho thấy tác giả khẳng định được như vậy là dựa vào tài liệu tham khảo số 132 (được công bố năm 1994), tài liệu số 136 (được công bố năm 1992) và tài liệu số 163 (được công bố năm 1998).

Thế nhưng, cũng ngay ở cuối câu viết thứ nhất đã được chúng tôi trích lại ở trang 12 nói trên ấy, tác giả đã có một chú thích thêm. Nó cho biết có một nhà khoa học khác là G. Difloth (như khẳng định của tác giả là “một chuyên gia về các ngôn ngữ Nam Á”) năm 2005 đã đưa ra một phân loại khác về “ngữ hệ Nam Á” và “ngành Môn-Khmer”. Nguyễn Văn Lợi viết trong sách “*Lược khảo...*” là như sau “Gần đây, năm 2005, ông đưa ra một bản phân hệ mới, khác trước, chia ngành Môn-Khmer thành ba tiểu chi: tiểu chi Khasi - Khmu, tiểu chi Khmer - Việt và tiểu chi Nicorbare - Môn” - (trang 12, dòng 1-3 dưới lên).

Khi theo dõi cách trình bày như thế của tác giả “*Lược khảo...*”, người đọc thực sự băn khoăn. Khó có thể hiểu nổi vì sao tác giả chuyên khảo lại chấp nhận những thông tin khoa học công bố trước (vào các năm 1992, 1994, 1998) là thông chính thức trong công trình của mình chứ không lấy kết quả phân loại mới (năm 2005) làm thông tin chính? Bởi vì, kết quả phân loại những năm 1992, 1994, 1998 cũng có phần dẫn xuất từ nghiên cứu của G. Difloth. Thế mà năm 2005, ông tự “phủ nhận” kết quả trước đó của mình để đưa ra “một bản phân hệ mới”. Điều đó phải có lí do khoa học của ông. Về logic, người nghiên cứu sau (nhất là lại không có điều kiện chuyên sâu như tác giả “*Lược khảo...*”) thường lấy kết quả nghiên cứu mới nhất của một chuyên gia về cùng một vấn đề. Ở đây tác giả cuốn “*Lược khảo...*” không làm như vậy mà ngược lại.

Thay vì lấy sự phân loại mới nhất của G. Difloth năm 2005, tác giả “*Lược khảo...*” lại sử dụng những kết quả phân loại trước năm 1999 của ông.

Có thể biện minh rằng khi kết quả nghiên cứu của người đi trước khác nhau, người đi sau có quyền lựa chọn theo lí do của mình. Đúng vậy. Quả thực kết quả phân loại của G. Difloth năm 2005 so với trước (được thể hiện ở các tài liệu tham khảo số 132 (công bố năm 1994), tài liệu số 136 (công bố năm 1992) và tài liệu số 163 (công bố năm 1998) là khác nhau. Ví dụ, nếu như trước đây “ngành Môn-Khmer” được G. Difloth chia thành ba “khối” và trong “khối” có các “tiểu chi” thì năm 2005 ông “chia ngành Môn-Khmer thành ba tiểu chi: tiểu chi Khasi - Khmu, tiểu chi Khmer - Việt và tiểu chi Nicorbare - Môn”. Đứng trước sự khác nhau ấy, tác giả “*Lược khảo...*” đã lựa chọn kết quả phân loại công bố trước năm 2005 của G. Difloth. Đó là chưa kể bản thân G. Difloth cũng đã từng chia “ngữ hệ Nam Á” thành ba *tiểu ngữ hệ* là là Munda, Nicorbare và ngành Môn-Khmer [Xin xem *Nguyễn Tài Cẩn* (2005), tr 341- 346]; còn chưa kể cách phân loại nữa của C. Goddard (năm 2005), của P. Sidwell (năm 2009) và của nhiều người khác ở trong nước đã có. Vậy thì lí do nào để tác giả “*Lược khảo...*” chỉ chọn thông tin của những năm trước 1999 ở ba công trình [132, 136, 163] làm thông tin chính thức về “ngữ hệ Nam Á” và “ngành Môn-Khmer” để từ đó làm cơ sở cho việc khảo cứu *lịch sử từ vựng tiếng Việt* của mình? Chính vì không thấy có sự giải thích lí do tại sao tác giả “*Lược khảo...*” lại chỉ lựa chọn sự phân loại như đã trình bày, người đọc đã có thể cho rằng cách làm như thế chỉ thuần túy là một sự *tập hợp cơ học* những ý kiến đã có, chứ chưa thể là một nghiên cứu mang tính chuyên sâu.

- Hay như khi nêu ra một nội dung nào đó, cách viết của tác giả “*Lược khảo...*” làm cho người đọc nghĩ rằng vấn đề mà tác giả nêu ra đã được chứng minh hoặc đúng như cách giải thích của tác giả mà không cần phải khảo cứu thêm hay phân tích thêm. Ví dụ, ở chỗ trình bày về “*Lược trình diễn biến của tiếng Việt*” (tr 30-33), tác giả viết tới ba đoạn chứa đựng ba ý tưởng dường như không logic gì với nhau.

+ Đoạn thứ nhất viết: “Trạng thái (giai đoạn) ngôn ngữ Proto Việt - Mường tồn tại kéo dài khoảng trên dưới 1000 năm, từ khoảng 1000 năm trước Công nguyên đến một vài thế kỉ sau Công nguyên.

Tiếp đó, Proto Việt - Mường tiếp tục rạn nứt, chia tách tạo thành hai nhánh, nhánh Việt - Mường ở phía Bắc và nhánh Poọng - Chứt ở phía Nam [x.41]” (tr 30).

Với nội dung đoạn viết như vậy, có lẽ, chúng ta phải hiểu rằng thời gian tồn tại của *ngôn ngữ Proto Việt - Mường* kéo dài “đến một vài thế kỉ sau Công nguyên”; sau đó nó mới được “chia tách tạo thành hai nhánh, nhánh Việt - Mường ở phía Bắc và nhánh Poọng - Chứt ở phía Nam”. Đó là tính thần của đoạn thứ nhất xác định thời gian tồn tại của ngôn ngữ Tiên Việt - Mường (Proto Việt - Mường).

+ Đoạn thứ hai ở trang tiếp theo, nguyên văn như sau: “chúng tôi xin trình bày diễn tiến cụ thể hơn từ *ngôn ngữ Tiên Việt - Mường* (người trích nhấn mạnh)

a) Nếu ta gọi khối cư dân nói tiếng Tiên Việt - Mường là cư dân Tiên Việt - Mường thì có thể hình dung như sau: Từ cái nôi là miền thượng của vùng trung lưu sông Mêkông và vùng phía Bắc cao nguyên Cò Rạt của Lào, kéo dài đến khu vực miền núi tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh của Việt Nam hiện nay..., cư dân Tiên Việt - Mường, vì nhiều lí do khác nhau, trong đó chắc chắn có lí do tìm kiếm vùng đất sinh sống đã bắt đầu có sự chia tách, di chuyển và phân tán. Một bộ phận dân cư này vẫn ở lại nơi họ đã sinh ra, một bộ phận khác di cư sang sườn bên đông của dãy Trường Sơn... Các tộc người, nhóm tộc người như Arem, Mày, Rục, Sách, Hung, Poọng, Không Kheng ... cư trú rải rác tại miền núi Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh ...ngày nay chính là kết quả của những quá trình di cư chia tách và phân tán như vậy” (tr 31).

Như thế, với đoạn viết ấy, người ta chỉ có thể phải hiểu rằng: a. “cư dân nói tiếng Tiên Việt - Mường” có “cái nôi là miền thượng của vùng trung lưu sông Mêkông và vùng phía Bắc cao nguyên Cò Rạt của Lào, kéo dài đến khu vực miền núi tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh của Việt Nam hiện nay”; b. Sau đó, “Một bộ phận dân cư này vẫn ở lại nơi họ đã sinh ra, một bộ phận khác di cư sang sườn bên đông của dãy Trường Sơn”; c. “Các tộc người, nhóm tộc người như Arem, Mày, Rục, Sách, Hung, Poọng, Không Kheng ... cư trú rải rác tại miền núi Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh ...ngày nay chính là kết quả của những quá trình di cư chia tách và phân tán như vậy”. Nội dung như thế, rõ ràng là nội dung mô tả sự thay đổi về nơi cư trú của cư dân nói ngôn ngữ Tiên Việt - Mường.

+ Tiếp theo, ở cùng trang, tác giả viết đoạn thứ ba như sau: “Về địa vực cư trú và đường đi của cư dân Tiên Việt - Mường, những chứng cứ hiện còn để lại, cho chúng ta thấy, đều là vùng rừng núi. Nguồn sống của họ chủ yếu dựa vào săn bắt, hái lượm; lương thực chủ yếu lấy từ những loại cây hoang dã (như cây rùi,

cây xế, cây kapác mà người Rục ở Quảng Bình hiện nay vẫn còn sử dụng chẳng hạn) [x.124].

Trong khi khối cư dân Tiền Việt - Mường ở lại vùng cổ hương hoặc chỉ sống quanh quần gần đó, tiếp tục lưu giữ những nét cổ truyền của ngôn ngữ tổ tiên và giữ sự tiếp xúc với những bà con lân cận như Khme, Katu, Bana, thì bộ phận di cư ra Bắc đã gặp những cư dân nói ngôn ngữ Thái - Ka đai, tiếp xúc với họ và tiếp thu nhiều ảnh hưởng ngôn ngữ, văn hóa, đời sống canh tác ...từ phía họ" (tr.31).

Diễn đạt của đoạn trích thứ ba cho ta biết: a. "Về địa vực cư trú và đường đi của cư dân Tiền Việt - Mường, những chứng cứ hiện còn để lại, ..., đều là vùng rừng núi"; b. Sản xuất kinh tế là "săn bắt, hái lượm; lương thực chủ yếu lấy từ những loại cây hoang dã"; c. "cư dân Tiền Việt - Mường ở lại vùng cổ hương hoặc chỉ sống quanh quần gần đó, tiếp tục lưu giữ những nét cổ truyền của ngôn ngữ tổ tiên và giữ sự tiếp xúc với những bà con lân cận như Khme, Katu, Bana"; d. "bộ phận di cư ra Bắc đã gặp những cư dân nói ngôn ngữ Thái - Ka đai, tiếp xúc với họ và tiếp thu nhiều ảnh hưởng ngôn ngữ, văn hóa, đời sống canh tác ...từ phía họ".

Khi kết hợp tiếp nhận thông tin từ ba đoạn trích ở trên của tác giả "*Lược khảo...*", chúng ta thấy đoạn đầu là xác định thời gian tồn tại của ngôn ngữ Tiền Việt - Mường, đoạn hai và ba chuyển sang mô tả sự thay đổi về nơi cư trú của cư dân nói ngôn ngữ ấy. Hơn nữa, chúng ta cũng chưa thấy có minh chứng khoa học nào về cả hai nội dung ấy nên có một vài câu hỏi phải được đặt ra. Câu hỏi thứ nhất đó là, tác giả căn cứ vào *chứng cứ* gì để vẽ nên một bức tranh như thế? Và cơ sở khoa học nào để khi nói về "*Lược trình diễn biến của tiếng Việt*" lại có thể mô tả sự *thay đổi vị trí cư trú* của dân cư nói ngôn ngữ ấy như là diễn biến của những *biến đổi ngôn ngữ*?

Câu hỏi thứ hai đó là, nếu "ngôn ngữ Proto Việt - Mường tồn tại kéo dài khoảng trên dưới 1000 năm, từ khoảng 1000 năm trước Công nguyên đến một vài thế kỉ sau Công nguyên" và nó ở "cái nôi là miền thượng của vùng trung lưu sông Mêkông và vùng phía Bắc cao nguyên Cò Rát của Lào, kéo dài đến khu vực miền núi tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh của Việt Nam hiện nay" thì dựa vào cái gì để biết khi nào "Một bộ phận dân cư này vẫn ở lại nơi họ đã sinh ra, một bộ phận khác di cư sang sườn bên đông của dãy Trường Sơn"?

Câu hỏi thứ ba đó là, nếu "Các tộc người, nhóm tộc người như Arem, Mày, Rục, Sách, Hung, Poọng,

Không Kheng ... cư trú rải rác tại miền núi Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh ...ngày nay chính là kết quả của những quá trình di cư chia tách và phân tán", vậy thì từ "cái nôi" ban đầu cư dân TVM "di cư sang sườn bên đông của dãy Trường Sơn" là bộ phận nào hiện nay và tình trạng di cư ấy thực hiện vào thời gian nào?

Câu hỏi thứ tư đó là, căn cứ vào cách lập luận như thế nào để nói "địa vực cư trú ...của cư dân Tiền Việt - Mường, ... đều là vùng rừng núi" như hiện nay là tiêu chí để xác nhận nơi đó là "cái nôi" ban đầu của cư dân Tiền Việt - Mường"?

Câu hỏi thứ năm đó là, liệu kinh tế "săn bắt, hái lượm; lương thực chủ yếu lấy từ những loại cây hoang dã" như người Rục hiện nay đã đủ để xác nhận "bộ phận di cư ra Bắc đã gặp những cư dân nói ngôn ngữ Thái - Ka đai, tiếp xúc với họ và tiếp thu nhiều ảnh hưởng ngôn ngữ, văn hóa, đời sống canh tác" của người Thái - Ka đai hay chưa?

Và câu hỏi thứ sáu là, nếu chỉ khi cư dân TVM di cư ra Bắc "lúa nếp đối với họ như một 'phát hiện', một 'báu vật trời cho' thì việc phát hiện đó là vào thời gian nào trong tiến trình lịch sử tiếng Việt? Phải chăng, về thời gian văn hóa - lịch sử là vào thời kì văn hóa Đông Sơn?

Rõ ràng, nếu như những câu hỏi như thế không được trả lời một cách có *chứng minh khoa học* (hoặc ở bình diện *ngôn ngữ học* hoặc ở bình diện *văn hóa - lịch sử*) thì trình bày của tác giả "*Lược khảo...*" ở phần "*Lược trình diễn biến của tiếng Việt*" (tr 30-33) chỉ là "giả thiết để làm việc" mà thôi. Đã thế, tác giả chưa nên viết "chúng tôi xin trình bày diễn tiến cụ thể hơn từ *ngôn ngữ Tiền Việt - Mường*" đến hiện nay như đã viết trong công trình của mình. Nói rằng tác giả "*Lược khảo...*" diễn lại ý tứ từ những nghiên cứu khác theo cách *tập hợp cơ học* ý kiến những người đi trước mà thiếu đi sự *nghiên cứu* chuyên sâu với tư cách là một chuyên khảo là do như thế.

4.3. Bản khoản thứ ba là, khi đọc, người đọc nhận thấy còn không ít chỗ *chỉ dẫn xuất xứ* những tư liệu chứng minh, những ý tưởng của người đi trước mà tác giả "*Lược khảo...*" thể hiện trong công trình là *chưa khoa học* (hay có thể nói là *chưa minh bạch*). Những dẫn chứng sau đây cho thấy công trình vẫn còn có những chỗ như thế.

- Thứ nhất là *cách thức chỉ dẫn* xuất xứ tư liệu chứng minh cho những ý tưởng của tác giả. Trong nghiên cứu lịch sử, đương nhiên là phải dẫn lại tư liệu từ những người nghiên cứu khác nhau. Trên thực tế, cùng một *thổ ngữ*, chẳng hạn như tiếng Rục của nhóm

Việt - Mường (Vietic), sẽ có những tài liệu khác được ghi lại từ những nhà nghiên cứu điền dã khác nhau. Nhờ sự khác nhau từ tư liệu nghiên cứu điền dã ấy mà nhiều vấn đề mới được giải quyết một cách có cơ sở khoa học. Thế nhưng, trong công trình, tác giả “*Lược khảo...*” đã bỏ qua yêu cầu khoa học đó. Chẳng hạn, ở trang 39, khi dẫn tư liệu tiếng Rục chứng minh cho trình bày của mình, tác giả “*Lược khảo...*” cho biết xuất xứ tư liệu là từ tài liệu tham khảo số [88] năm 1993 và [156] năm 1998.

Tư liệu hai tài liệu tham khảo ấy có thời gian điều tra khác nhau, do những người khác nhau xuất bản. Thế nhưng trong chú dẫn của cuốn lược khảo, mỗi ví dụ chỉ được dẫn ra là *một dạng thức duy nhất*. Phải chăng, tư liệu điều tra điền dã do những người khác nhau thực hiện ở những thời gian khác nhau chỉ là một? Trong sách “*Lược khảo...*”, chúng ta còn gặp cách làm như thế ở các trang 40, trang 52 - 53, trang 57- 70 v.v. Cách chỉ dẫn xuất xứ tư liệu theo kiểu đập nháp các nguồn khác nhau làm một, thiếu đi sự phân biệt nguồn tư liệu như thế là cách làm chưa khoa học trong nghiên cứu lịch sử ngôn ngữ.

- Thứ hai là sự *thiếu nhất quán* trong cách chỉ dẫn xuất xứ những ý tưởng từ học giả khác chứng minh cho lập luận của tác giả. Trong sách “*Lược khảo...*”, tác giả dùng hai cách chỉ dẫn xuất xứ những ý tưởng từ học giả khác chứng minh cho lập luận của mình. Cách thứ nhất là chỉ dẫn ra số thứ tự tài liệu (ví dụ [88, 156] hay [x.81]); cách thứ hai là chỉ dẫn ra cả số thứ tự tài liệu và số trang nơi được trích dẫn (ví dụ [70, tr 30]). Thứ tham chiếu lại những xuất xứ mà tác giả “*Lược khảo...*” chỉ dẫn có số trang, chúng ta thấy có nhiều chỗ chưa đảm bảo sự chính xác cần thiết.

Chẳng hạn, ở trang 29, đoạn trích lời A.G Haudricourt được chỉ dẫn là [69, tr 20], có nghĩa đoạn trích ấy lấy ở trang 20 của tài liệu số 69; ở trang 56, phần nêu số liệu chỉ dẫn về quan hệ giữa tiếng Rục với một vài ngôn ngữ Việt - Mường được chỉ dẫn là [88, tr 18], có nghĩa những số liệu ấy lấy trang 18 từ tài liệu số 88. Thế nhưng, cả hai chỉ dẫn về trang xuất xứ tư liệu ấy đều không đúng trong nguyên bản.

Cho nên, khi tham chiếu lại những xuất xứ mà tác giả “*Lược khảo...*” chỉ chỉ dẫn số thứ tự tài liệu (như [88, 156] hay [x.81]) mà không có số trang cụ thể, người đọc khó có thể kiểm chứng lại tính xác thực của nội dung được trình bày. Ví dụ, khi nói về “*Lược trình diễn biến của tiếng Việt*” (tr 30-33), đoạn diễn đạt của “*Lược khảo...*” ở trang 31 rằng “*Về địa vực cư trú và đường đi của cư dân Tiền Việt - Mường, những chứng*

cứ hiện còn để lại, cho chúng ta thấy, đều là vùng rừng núi. Nguồn sống của họ chủ yếu dựa vào săn bắt, hái lượm; lương thực chủ yếu lấy từ những loại cây hoang dã (như cây rùi, cây xế, cây kapác mà người Rục ở Quảng Bình hiện nay vẫn còn sử dụng chẳng hạn) [x.124]”. Với cách chỉ dẫn xuất xứ không ghi rõ số trang như thế, người đọc phải coi đây là ý của “*Lược khảo...*” hay là ý của tác giả xuất bản tài liệu tham khảo số [124]? Nói rằng sự *thiếu nhất quán* trong cách chỉ dẫn xuất xứ những ý tưởng lấy từ học giả khác của tác giả “*Lược khảo...*” là từ thực tế đó.

- Thứ ba là sự *suy diễn chưa khoa học* trong cách dẫn lại những ý tưởng từ học giả khác nhằm chứng minh cho lập luận của mình. Người đọc sách “*Lược khảo...*” nhận ra điều này khi thấy tác giả của nó *suy diễn khoa học*, ví dụ, ở hai đoạn trích sau đây.

+ Đoạn trích thứ nhất là lời A.G Haudricourt ở trang 29: “*Vị trí của tiếng Việt phải là ở trong họ Nam Á giữa nhóm Palaung-Wa ở Tây Bắc và nhóm Môn-Khmer ở Tây Nam*” [69; tr 19]. Diễn giải đoạn trích này, tác giả “*Lược khảo...*” viết như sau: “*Như vậy, tuy A.G Haudricourt không nói hẳn ra, nhưng ngụ ý của ông vẫn có thể thấy rõ được là: tiếng Việt thuộc về và ở vào vị trí của nhánh các ngôn ngữ Môn-Khmer Bắc*” (tr. 29). Ở đây, suy diễn của tác giả “*Lược khảo...*” như thế là vô đoán. Bởi vì, *vị trí* mà A.G Haudricourt nói trong đoạn trích là *vị trí địa lí* (geographical); còn khi tác giả “*Lược khảo...*” nói “*thuộc về và ở vào vị trí của nhánh các ngôn ngữ Môn-Khmer Bắc*” là lẫn lộn cả về *địa lí* và *họ hàng* (genetic). Với lại, đối với A.G Haudricourt, vào năm 1953, ông cũng như giới phân loại họ Nam Á còn chưa có khái niệm “*các ngôn ngữ Môn-Khmer Bắc*”. Các khái niệm “*các ngôn ngữ Môn-Khmer Bắc*”, “*các ngôn ngữ Môn-Khmer Đông*” v.v. chỉ được G. Difloth đưa ra từ năm 1979 về sau này. [Xin xem P. Sidwell (2009), tr 117-134]

Đoạn trích thứ hai là lời của M. Ferlus cũng ở trang 29: “*...chúng tôi cho rằng nơi cư trú cũ của các ngôn ngữ Việt - Mường là ở miền thượng vùng trung lưu sông Mê Kông và phần phía bắc cao nguyên Corat*” [143, tr 58]. Đoạn trích này được tác giả “*Lược khảo...*” dùng để chứng minh cho ý kiến của mình như sau: “*Gần đây...G. Difloth trong bài Vietnamese as a Mon-Khmer language* [140] có ý xác định hơn, cho vị trí của tiếng Việt là thuộc khối Katuic của nhánh Môn-Khmer Đông; và các tư liệu chứng minh của M. Ferlus trong bài *Sur l'origine géographique des langues Viet - Muong* [143] cũng xác nhận và chia sẻ tư tưởng đó” (tr 29). So sánh nội dung phát biểu của M. Ferlus ở trên

và lời giải thích của tác giả “*Lược khảo...*” ở dưới, chúng ta thấy suy diễn như vậy là *thiếu cơ sở khoa học*. Bởi lẽ, nội dung mà M. Ferlus phát biểu là nói về *nơi cư trú* (geographical) cũ của các ngôn ngữ Việt - Mường; còn giải thích của tác giả “*Lược khảo...*” lại quy *vị trí địa lý* ra *vị trí họ hàng* (genetic) là “thuộc khối Katuic của nhánh Môn-Khmer Đông”. Hơn nữa, công bố của M. Ferlus ở *Mon-Khmer Studies* là nguyên văn trình bày ở hội thảo khoa học tháng 10 năm 1979 tại Helsingor (Denmark); thông tin *nhận bài* ở cuối tạp chí MKS đã cho biết rõ điều đó. Trong khi bài của G. Diffloth trình bày ở hội thảo khoa học SALS năm 1991, xuất bản năm 1992. Vậy thì trên cơ sở suy diễn nào mà tác giả “*Lược khảo...*” lại viết M. Ferlus “cũng xác nhận và chia sẻ tư tưởng đó” của G. Diffloth? Đúng ra, người ta có thể nói ngược lại.

Sự suy diễn *thiếu khoa học* trong cách *dẫn lại* những ý tưởng từ những học giả khác của tác giả “*Lược khảo...*” kiểu như thể khiến cho nó giảm đi chất lượng khoa học rất nhiều.

4.4. Bản khoản thứ tư là người đọc nhận thấy còn không ít chỗ tác giả “*Lược khảo...*” cung cấp *những kiến thức chưa đúng thực tế*. Chúng tôi chỉ xin dẫn ra một vài ví dụ sau đây để chúng ta cùng thấy còn có những chỗ như thế.

- Ví dụ thứ nhất. Ở *trang 31*, tác giả “*Lược khảo...*” đã viết “Nếu ta gọi khối cư dân nói tiếng Tiền Việt - Mường là cư dân Tiền Việt - Mường thì có thể hình dung như sau: Từ cái nôi là miền thượng của vùng trung lưu sông Mê Kông và vùng phía Bắc **cao nguyên Cò Rạt của Lào**, kéo dài đến khu vực miền núi tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh của Việt Nam hiện nay..., cư dân Tiền Việt - Mường, vì nhiều lí do khác nhau, trong đó chắc chắn có lí do tìm kiếm vùng đất sinh sống đã bắt đầu có sự chia tách, di chuyển và phân tán”. *Chỗ kiến thức chưa đúng thực tế* được chúng tôi in đậm. Có lẽ, đây là do diễn lại từ ý tứ của M. Ferlus ở trang 58 của bài *Sur l'origine géographique des langues Viet - Muong* [143] nhưng tác giả “*Lược khảo...*” đã bị nhầm.

- Ví dụ thứ hai. Ở *trang 13*, tác giả “*Lược khảo...*” đã viết “Ngoài ra, cũng được coi thuộc tiểu chi Việt - Mường, có tiếng Thà vưng, Pakatan, Phonsoung và một vài ngôn ngữ khác ***nằm rải rác dọc theo biên giới phía Bắc Lào***”. Không rõ, những ngôn ngữ khác thuộc tiểu chi Việt - Mường *nằm rải rác dọc theo biên giới phía Bắc Lào* là những ngôn ngữ nào và xuất xứ để tác giả “*Lược khảo...*” coi

chúng *nằm...* *dọc theo biên giới phía Bắc Lào* là ở công trình nghiên cứu nào. Hoặc nếu tác giả đã đi nghiên cứu ở đó, xin tác giả cho biết địa danh cụ thể. Bởi vì, “*nằm rải rác dọc theo biên giới phía Bắc Lào*” phải được hiểu là biên giới giữa Lào và Trung Quốc dài khoảng 505 km.

5. Những bản khoản đã trình bày ở *phần 4* nói trên chỉ là một số trong nhiều trường hợp chúng tôi có thể nêu ra. Có khả năng những bản khoản đó là do chúng tôi chưa hiểu hết những gì sâu sắc mà công trình “*Lược khảo...*” đã làm. Rất có thể, sau khi nhận được thêm những giải thích từ tác giả, vấn đề sẽ trở nên sáng rõ hơn đối với chúng tôi. Và đó cũng là cách để những trao đổi trong giới nghiên cứu khoa học trở nên thông thường hơn, cùng nhau thúc đẩy sự phát triển của khoa học và giáo dục nước nhà.

Chú thích: 1. Trong nguyên bản “*Lược khảo...*”, nguyên âm dạng phục nguyên PVM của từ “kbh” là nguyên âm ɔ ngắn. Ở đây, do chỉ nói về phụ âm đầu để đơn giản về kỹ thuật chế bản, chúng tôi xin phép không thể hiện nét ngắn này của nguyên âm.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tài Căn (1979), *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*, Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội 1979, tr.337.
2. Nguyễn Tài Căn (1995), *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt (sơ thảo)*, Nxb Giáo dục 1995, tr.349.
3. Diffloth, G. (1992), *Vietnamese as a Mon-Khmer language*, in *Papers from the first annual meeting of the southeast Asian linguistics society*, ed. M. Ratliff and E. Schiller, pp. 125-139. Arizona state University, program for southeast Asian studies
4. Diffloth, G. (2005), *The contribution of linguistic palaeontology and Austroasiatic*. In Laurent Sagart, Roger Blench and Alicia Sanchez-Mazas, eds. *The peopling of east Asia: Putting together archaeology, linguistics and genetics*. 77-80. London: Routledge Curzon
5. Goddard, C. (2005), *The languages of east and southeast Asia: An introduction*, Oxford University Press, New York, 315pp
6. Ferlus, M. (1992), *Sur l'origine géographique des langues Viet - Muong*, MKS 18-19 (1992), Pp 52-59.
7. Sidwell, P. (2009), *The austroasiatic central riverine hypothesis*. Keynote address, SEALS, XIX; in “*Journal of language rel*”.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 29-03-2012)